

Số: 200/2023/GE-CBTT

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2023

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần Điện lực GELEX thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) giữa niên độ năm 2023 đã được soát xét với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức:

- Mã chứng khoán: GEE
- Địa chỉ: Số 52 phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Điện thoại liên hệ: 024 73012344 Fax: 024 36331510
- Email: congbothongtin@gelex-electric.com Website: www.gelex-electric.com

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC giữa niên độ năm 2023 đã được soát xét
 BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán năm 2022):

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2022):

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

Có

Không



Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 29/08/2023 tại đường dẫn: <https://gelex-electric.com/quan-he-co-dong>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

Đại diện tổ chức

Người UQCBTT

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



Phạm Tuấn Anh

Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ năm 2023 đã được soát xét;
- Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ năm 2023 đã được soát xét;
- Văn bản giải trình nguyên nhân chênh lệch lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét.



**CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐIỆN LỰC GELEX**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 199/2023/GE-TGD

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2023

V/v: Giải trình nguyên nhân chênh lệch lợi nhuận sau thuế trên BCTC giữa niên độ đã được soát xét

**Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

Tên tổ chức : **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC GELEX**
Mã chứng khoán : **GEE**
Địa chỉ trụ sở chính : **Số 52 phố Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.**

Công ty cổ phần Điện lực Gelex giải trình nguyên nhân chênh lệch lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ hoạt động 06 tháng đầu năm 2023 so với cùng kỳ 06 tháng đầu năm 2022 như sau:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Báo cáo riêng	Báo cáo hợp nhất
1	Lợi nhuận sau thuế 06 tháng đầu năm 2023	Tỷ đồng	223,9	177,97
2	Lợi nhuận sau thuế 06 tháng đầu năm 2022	Tỷ đồng	462,8	476,8
3	Biến động so với cùng kỳ năm trước	Tỷ đồng	-238,9	-298,8
4	Tỷ lệ biến động so với cùng kỳ năm trước	%	-51,6%	-62,7%

1. Lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo tài chính riêng 6 tháng đầu năm 2023 giảm 51,6% so với 6 tháng đầu năm 2022 là do một số nguyên nhân chính sau:

- Doanh thu hoạt động tài chính giảm gần 273 tỷ đồng chủ yếu do 6 tháng đầu năm 2022 phát sinh lãi bán khoản đầu tư tài chính;
- Chi phí tài chính giảm đáng kể so với cùng kỳ, cụ thể giảm 19,72% tương đương 44,64 tỷ.

2. Lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo tài chính hợp nhất 06 tháng đầu năm 2023 giảm 62,7% so với 06 tháng đầu năm 2022 là do một số nguyên nhân chính sau:

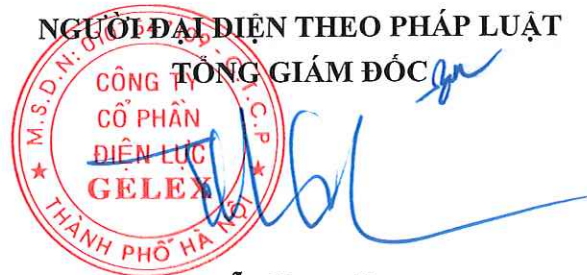
- Doanh thu hợp nhất giảm 1.994 tỷ đồng dẫn tới lợi nhuận gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ giảm 257 tỷ đồng do gặp nhiều khó khăn từ thị trường khi nhu cầu sụt giảm.
- Các khoản chi phí giảm đáng kể so với cùng kỳ: cụ thể chi phí tài chính giảm 51,1 tỷ đồng, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp giảm 61,7 tỷ đồng do áp dụng các giải pháp nhằm kiểm soát chi phí, đảm bảo an toàn về mặt tài chính và chủ động giảm số dư hàng tồn kho.
- Doanh thu hoạt động tài chính và Phần lãi/lỗ trong công ty liên kết giảm 192 tỷ đồng do 6 tháng đầu năm 2023 không phát sinh doanh thu bán khoản đầu tư tài chính.

Bảng văn bản này, Công ty kính báo cáo Quý Ủy ban, Quý Sở và Nhà đầu tư được biết.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, TCKT

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
TỔNG GIÁM ĐỐC


Nguyễn Trọng Trung

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC GELEX

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	8 - 9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	10 - 39

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Điện Lực GELEX (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Văn Tuấn	Chủ tịch
Ông Đặng Phan Tường	Thành viên
Ông Đỗ Duy Hưng	Thành viên
Ông Nguyễn Trọng Trung	Thành viên
Ông Lê Bá Thọ	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2023)
Ông Nguyễn Trọng Tiểu	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2023)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Trọng Trung	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Tuấn Anh	Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát

Ông Đào Viết Đình	Trưởng Ban Kiểm soát (Bổ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2023)
Bà Nguyễn Thị Huyền	Trưởng Ban Kiểm soát (Miễn nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2023)
Ông Nguyễn Hoàng Việt	Thành viên Ban Kiểm soát
Bà Bùi Thị Trang	Thành viên Ban Kiểm soát (Bổ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2023)
Bà Tiêu Thị Dung	Thành viên Ban Kiểm soát (Miễn nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2023)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Trọng Trung
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 8 năm 2023

Số: 0254 /VN1A-HN-BC

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Điện lực GELEX

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Điện lực GELEX (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 28 tháng 8 năm 2023, từ trang 05 đến trang 39, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



Phạm Hoài Nam

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

kiểm toán số 0042-2023-001-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 28 tháng 8 năm 2023

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	
			Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.004.841.620.868	807.579.561.900
I. Tiền	110	4	76.508.451.990	17.129.349.002
1. Tiền	111		76.508.451.990	17.129.349.002
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		669.324.765.066	774.935.915.077
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	76.696.825.801	123.782.469.993
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	2.883.863.092	14.395.353.147
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	10	515.000.000.000	400.000.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	75.371.536.576	237.385.552.340
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(627.460.403)	(627.460.403)
III. Hàng tồn kho	140	8	238.481.313.994	-
1. Hàng tồn kho	141		238.481.313.994	-
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		20.527.089.818	15.514.297.821
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	771.961.520	1.677.051.732
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		7.981.462.222	2.063.580.013
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	16	11.773.666.076	11.773.666.076
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		6.792.465.609.805	6.806.328.432.840
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		10.000.000	10.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	7	10.000.000	10.000.000
II. Tài sản cố định	220		14.382.360.049	8.732.160.919
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	6.468.115.696	3.157.244.119
- Nguyên giá	222		9.345.661.969	5.285.562.719
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.877.546.273)	(2.128.318.600)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	7.914.244.353	5.574.916.800
- Nguyên giá	228		9.570.266.170	6.282.752.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.656.021.817)	(707.835.200)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	3.287.514.170
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	3.287.514.170
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	13	6.768.051.543.165	6.782.144.117.717
1. Đầu tư vào công ty con	251		5.822.001.115.244	5.798.868.150.428
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		1.111.361.869.099	1.111.361.869.099
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(165.311.441.178)	(128.085.901.810)
V. Tài sản dài hạn khác	260		10.021.706.591	12.154.640.034
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9	10.021.706.591	12.154.640.034
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		7.797.307.230.673	7.613.907.994.740

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		3.458.996.451.815	3.349.473.086.779
I. Nợ ngắn hạn	310		2.479.661.277.521	1.769.809.161.067
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	253.622.133.859	155.224.133.229
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	15	2.859.216.750	5.004.153.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	122.897.750	803.189.091
4. Phải trả người lao động	314		2.075.490.371	3.004.609.207
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	9.092.984.495	11.700.679.143
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	18	1.099.663.675.595	984.649.687.098
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19	1.111.764.237.540	608.904.269.138
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		460.641.161	518.441.161
II. Nợ dài hạn	330		979.335.174.294	1.579.663.925.712
1. Phải trả dài hạn khác	337	18	2.958.762.752	3.287.514.170
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	20	976.376.411.542	1.576.376.411.542
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		4.338.310.778.858	4.264.434.907.961
I. Vốn chủ sở hữu	410	21	4.338.310.778.858	4.264.434.907.961
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		3.000.000.000.000	3.000.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		3.000.000.000.000	3.000.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		835.287.500.000	835.287.500.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		5.000.000.000	5.000.000.000
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		498.023.278.858	424.147.407.961
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		274.147.407.961	-
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này/năm nay	421b		223.875.870.897	424.147.407.961
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		7.797.307.230.673	7.613.907.994.740

Trần Thị Phương Anh
Người lập biểu

Nguyễn Thị Nga
Kế toán trưởng



Nguyễn Trọng Trung
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 8 năm 2023

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	23	845.294.891.253	1.472.278.851.513
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)	10		845.294.891.253	1.472.278.851.513
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	24	835.049.380.010	1.451.634.046.144
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		10.245.511.243	20.644.805.369
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	414.971.209.675	687.909.581.911
6. Chi phí tài chính	22	26	181.735.995.830	226.378.692.381
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		106.053.455.055	125.932.501.737
7. Chi phí bán hàng	25	27	2.707.989.331	3.450.906.603
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	16.896.670.994	15.898.473.108
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		223.876.064.763	462.826.315.188
10. Chi phí khác	32		193.866	-
11. (Lỗ)/lợi nhuận khác (40=-32)	40		(193.866)	-
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		223.875.870.897	462.826.315.188
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	29	-	-
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		223.875.870.897	462.826.315.188

Trần Thị Phương Anh
Người lập biểu

Nguyễn Thị Nga
Kế toán trưởng

Nguyễn Trọng Trung
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 8 năm 2023

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	223.875.870.897	462.826.315.188
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	1.165.923.898	157.080.000
Các khoản dự phòng	03	37.225.539.368	68.378.831.545
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	1.743.299.702	4.024.628.828
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(409.242.758.817)	(679.766.014.317)
Chi phí lãi vay và chi phí phát hành trái phiếu	06	106.053.455.055	125.932.501.737
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(39.178.669.897)	(18.446.657.019)
Giảm/(tăng) các khoản phải thu	09	283.830.626.295	(225.780.537.923)
(Tăng) hàng tồn kho	10	(238.481.313.994)	(134.682.918.124)
(Giảm)/tăng các khoản phải trả (Không kể thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(395.982.535.930)	180.571.952.766
Giảm/(tăng) chi phí trả trước	12	3.038.023.655	(4.978.827.608)
Tiền lãi vay đã trả	14	(104.605.528.559)	(122.067.199.486)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(57.800.000)	(5.500.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(491.437.198.430)	(325.389.687.394)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(4.060.099.250)	(2.719.186.364)
2. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(515.000.000.000)	-
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	400.000.000.000	300.000.000.000
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(77.375.704.816)	(431.155.386.309)
5. Tiền thu hồi đầu tư vốn vào đơn vị khác	26	600.000.000.000	519.913.600.000
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	394.348.140.324	460.128.272.177
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	797.912.336.258	846.167.299.504

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	821.689.851.367	1.163.521.186.609
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(918.829.882.965)	(1.656.653.482.842)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(149.992.899.998)	(479.896.880.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	(247.132.931.596)	(973.029.176.233)
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</i>	50	59.342.206.232	(452.251.564.123)
Tiền đầu kỳ	60	17.129.349.002	577.844.093.712
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	36.896.756	7.007.466
Tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	76.508.451.990	125.599.537.055

Trần Thị Phương Anh
Người lập biểu

Nguyễn Thị Nga
Kế toán trưởng



Nguyễn Trọng Trung
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 8 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Điện lực GELEX ("Công ty"), trước đây là Công ty Cổ phần Thiết bị Điện GELEX (đổi tên từ ngày 15 tháng 11 năm 2022), được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0107547109 ngày 29 tháng 8 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 09 ngày 15 tháng 11 năm 2022.

Công ty có trụ sở chính tại số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

Công ty đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp nhận đăng ký Công ty đại chúng theo Công văn số 8885/UBCK-GSDC ngày 24 tháng 12 năm 2021.

Công ty mẹ của Công ty là Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX.

Tổng số cán bộ, nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 là 27 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 23 người).

Hoạt động chính

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty bao gồm:

- Hoạt động với vai trò là công ty mẹ, nắm giữ và quản lý phần vốn góp tại các công ty con trực tiếp hoạt động trong ngành sản xuất thiết bị điện và sản xuất, truyền tải, phân phối điện;
- Sản xuất kinh doanh vật tư thiết bị điện và thiết bị đo điện gồm công tơ điện, đồng hồ Vol-Ampe, máy biến dòng, máy biến áp và các sản phẩm, hàng hóa khác.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023:

- Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2023 số 01/2023/MBĐ/NQ-ĐHĐCĐ ngày 08 tháng 02 năm 2023 và số 02/2023/MBĐ/NQ-ĐHĐCĐ ngày 09 tháng 02 năm 2023 của Công ty Cổ phần Mua bán điện GELEX ("Mua bán điện"), Mua bán điện thông qua Phương án tổng thể chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ. Tại ngày 03 tháng 3 năm 2023, Công ty đã hoàn tất việc mua thêm 290.700 cổ phần của Mua bán điện, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại Mua bán điện vẫn giữ nguyên là 51%.
- Tại ngày 28 tháng 02 năm 2023, Công ty đã kết thúc đợt chào mua công khai cổ phiếu CAV - Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam ("Cadivi") theo Nghị quyết số 53/2022/GE/NQ-HĐQT ngày 07 tháng 12 năm 2022, số lượng cổ phiếu đã mua là 64.456 cổ phiếu. Theo đó, tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty tại Cadivi tăng từ 96,35% lên 96,46% kể từ ngày này.

- Trong kỳ, Công ty đã thực hiện mua tăng sở hữu cổ phiếu THI – Công ty Cổ phần Thiết bị điện (“THIBIDI”) với tổng số lượng 2.513.828 cổ phiếu, theo đó, tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty tại THIBIDI tăng từ 90,71% tại ngày 01 tháng 01 năm 2023 lên 95,86%. Cụ thể như sau:
 - Tại ngày 28 tháng 02 năm 2023, Công ty đã kết thúc đợt chào mua công khai cổ phiếu THI theo Nghị quyết số 52/2022/GE/NQ-HĐQT ngày 07 tháng 12 năm 2022, số lượng cổ phiếu đã mua 250.328 cổ phiếu.
 - Tại ngày 25 tháng 4 năm 2023, Công ty đã hoàn tất thủ tục mua 2.263.500 cổ phiếu THI theo Nghị quyết số 10/2023/GE/NQ-HĐQT ngày 24 tháng 3 năm 2023.

Cấu trúc doanh nghiệp

Thông tin chi tiết về các công ty con mà Công ty có tỷ lệ lợi ích trực tiếp và tỷ lệ biểu quyết tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 như sau:

STT	Tên công ty con	Nơi thành lập	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động chính
1.	Công ty Cổ phần Dây cáp Điện Việt Nam (“Cadivi”)	Thành phố Hồ Chí Minh	96,46%	96,46%	Sản xuất kinh doanh dây và cáp điện
2.	Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội (“HEM”)	Hà Nội	76,70%	76,70%	Sản xuất, chế tạo, sửa chữa, kinh doanh động cơ điện và thiết bị điện
3.	Công ty Dây đồng Việt Nam CFT (“CFT”)	Đồng Nai	100%	100%	Sản xuất dây đồng và dây tráng thiếc
4.	Công ty Cổ phần Thiết bị Điện (“Thibidi”)	Đồng Nai	95,86%	95,86%	Sản xuất, chế tạo, sửa chữa, kinh doanh động cơ điện và thiết bị điện
5.	Công ty Cổ phần Thiết bị Đo điện EMIC (“EMIC”)	Hà Nội	74,99%	74,99%	Sản xuất và kinh doanh thiết bị đo điện gồm công tơ điện, đồng hồ Volt-Ampe, máy biến dòng, máy biến áp, tủ điện và các sản phẩm khác
6.	Công ty TNHH Phát điện GELEX (“Phát điện GELEX”)	Hà Nội	100%	100%	Quản lý các khoản đầu tư trong lĩnh vực sản xuất, truyền tải và phân phối điện
7.	Công ty TNHH Năng lượng GELEX Quảng Trị	Quảng Trị	100%	100%	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện
8.	Công ty Cổ phần Sản xuất Máy biến áp Truyền tải MEE (trước đây là “Công ty Cổ phần Sản xuất Thiết bị Điện Đông Anh”) (“MEE”)	Hà Nội	51,00%	51,00%	Sản xuất và kinh doanh máy biến áp
9.	Công ty Cổ phần Mua bán điện GELEX	Hà Nội	51,00%	51,00%	Truyền tải và phân phối điện

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, một số công ty con của Công ty cũng sở hữu các công ty con, công ty liên kết khác với thông tin cụ thể về tỷ lệ lợi ích trực tiếp và tỷ lệ biểu quyết như sau:

(i) Công ty Cổ phần Dây cáp Điện Việt Nam:

STT	Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động chính
1.	Công ty TNHH Một thành viên Cadivi Đồng Nai (“Cadivi Đồng Nai”)	Đồng Nai	100%	100%	Sản xuất kinh doanh dây và cáp điện

(ii) Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội:

STT	Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động chính
1.	Công ty TNHH Điện cơ Hà Nội ("HECO")	Thành phố Hồ Chí Minh	100%	100%	Sản xuất, sửa chữa và kinh doanh sản phẩm ngành điện
2.	Công ty TNHH Sản xuất Thiết bị lưới điện G-Power ("G-Power")	Hà Nội	100%	100%	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện

STT	Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động chính
1.	Công ty TNHH S.A.S - CTAMAD ("SAS")	Hà Nội	35,00%	35,00%	Kinh doanh khách sạn và cho thuê văn phòng

(iii) Công ty Cổ phần Thiết bị điện:

STT	Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích trực tiếp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính
1.	Tổng Công ty Thiết bị điện Đông Anh - Công ty Cổ phần	Hà Nội	24,95%	24,95%	Kinh doanh máy móc, thiết bị điện, thiết kế công trình điện

(iv) Công ty TNHH Phát điện GELEX:

STT	Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động chính
1.	Công ty TNHH MTV Năng lượng GELEX Ninh Thuận ("Gelex Ninh Thuận")	Ninh Thuận	100%	100%	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện mặt trời
2.	Công ty Cổ phần Phú Thạnh Mỹ ("Phú Thạnh Mỹ")	Quảng Nam	73,16%	73,16%	Sản xuất thủy điện

(v) Công ty TNHH Năng lượng GELEX Quảng Trị:

STT	Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động chính
1.	Công ty TNHH MTV Mirai Quảng Trị	Quảng Trị	100%	100%	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện (chưa triển khai dự án)

(vi) Công ty Cổ phần Mua bán Điện GELEX:

STT	Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích trực tiếp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính
1.	Công ty Cổ phần Mua bán Điện GELEX Hưng Yên	Hà Nội	51,00%	51,00%	Truyền tải và phân phối điện

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Số liệu so sánh của Bảng cân đối kế toán giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được kiểm toán.

Số liệu so sánh của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 đã được soát xét.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Công ty cũng đồng thời lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Người sử dụng báo cáo tài chính nên đọc đồng thời báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 để có đầy đủ thông tin về hoạt động của Công ty.

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán giữa niên độ theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá xuất kho của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Máy móc và thiết bị	03 - 05
Phương tiện vận tải	02 - 10
Thiết bị văn phòng	03 - 05

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Tài sản cố định vô hình và hao mòn

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

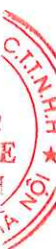
Nguyên giá của tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sử dụng.

Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy tính được khấu hao trong 5 năm.

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.



Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng, chi phí trả trước liên quan đến các khoản LC, chi phí trả trước liên quan đến các khoản vay (phí cam kết rút vốn), chi phí nội thất văn phòng và các khoản chi phí trả trước khác.

Công cụ, dụng cụ xuất dùng bao gồm thiết bị văn phòng đã xuất dùng. Các chi phí này được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Phí chấp nhận thanh toán LC được phân bổ theo thời hạn dư nợ của LC, thông thường không quá 6 tháng theo phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Chi phí trả trước liên quan đến các khoản vay (phí cam kết rút vốn) được phân bổ theo thời hạn khoản vay sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Chi phí nội thất văn phòng bao gồm các đồ nội thất, trang thiết bị trang trí được phân bổ trong vòng 3 năm sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị bảo hiểm và các chi phí phát sinh cho nhiều kỳ kế toán. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Ghi nhận doanh thu

Đối với bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Đối với với cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các khoản lỗ về thuế sẽ được kiểm tra và phê duyệt bởi cơ quan thuế địa phương và có thể được kết chuyển sang các năm sau để bù trừ với lợi nhuận tính thuế của Công ty nhưng không quá 5 năm tiếp theo kể từ năm phát sinh lỗ tính thuế. Công ty không có tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại nào được ghi nhận liên quan đến khoản lỗ tính thuế này do không chắc chắn về khả năng thực hiện trong tương lai.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Tiền mặt	32.446.301	631.780.740
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	76.476.005.689	16.497.568.262
	76.508.451.990	17.129.349.002

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Tổng Công ty Điện lực Miền Nam TNHH	66.245.434.500	-
Công ty Cổ phần Thiết bị đo điện EMIC	3.419.300.537	6.151.377.956
Công ty TNHH MTV Điện lực Hải Dương - Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc	2.431.899.800	12.682.969.360
Công ty Dây đồng Việt Nam CFT	-	97.557.026.424
Các khoản phải thu khách hàng khác	4.600.190.964	7.391.096.253
	76.696.825.801	123.782.469.993
Trong đó:		
Phải thu ngắn hạn của khách hàng là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 30)	7.362.380.598	109.509.154.130

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
BH Minerals Co., Limited	2.468.249.092	4.383.582.750
Glencore International AG	-	7.842.049.650
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	-	1.048.512.697
Các khoản trả trước khác	415.614.000	1.121.208.050
	2.883.863.092	14.395.353.147
Trong đó:		
Trả trước cho người bán ngắn hạn là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 30)	-	1.048.512.697

7. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
a. Ngắn hạn		
Phải thu về cổ tức được chia	74.212.290.000	-
Phải thu về lãi cho vay	744.246.576	5.819.178.083
Ký cược, ký quỹ	205.000.000	5.000.000
Tạm ứng	60.000.000	50.000.000
Tiền phong tỏa để chào mua công khai cổ phiếu THI	-	115.652.725.500
Tiền phong tỏa để chào mua công khai cổ phiếu CAV	-	115.543.725.000
Phải thu khác	150.000.000	314.923.757
	75.371.536.576	237.385.552.340
b. Dài hạn		
Ký cược, ký quỹ	10.000.000	10.000.000
	10.000.000	10.000.000
Trong đó:		
Phải thu khác là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 30)	74.949.550.275	5.819.178.083

8. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	180.031.024.990	-	-	-
Hàng hoá	58.450.289.004	-	-	-
	238.481.313.994	-	-	-

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	33.483.333	2.908.333
Lãi mua hàng trả chậm	-	820.124.518
Chi phí trả trước liên quan đến các khoản LC	500.168.333	175.862.391
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	238.309.854	678.156.490
	771.961.520	1.677.051.732
b. Dài hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	142.033.821	157.533.862
Phí trả trước liên quan đến các khoản vay	4.304.731.182	5.739.641.577
Chi phí nội thất văn phòng	5.490.733.233	6.118.819.638
Chi phí trả trước dài hạn khác	84.208.355	138.644.957
	10.021.706.591	12.154.640.034

10. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Công ty Cổ phần Thiết bị Điện	435.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	80.000.000.000	-
Công ty Dây đồng Việt Nam CFT	-	400.000.000.000
	515.000.000.000	400.000.000.000
Trong đó:		
Phải thu về cho vay ngắn hạn là bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 30)	515.000.000.000	400.000.000.000

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ				
Số dư đầu kỳ	173.522.250	3.141.600.000	1.970.440.469	5.285.562.719
Tăng trong kỳ	869.779.000	3.081.840.250	108.480.000	4.060.099.250
Số dư cuối kỳ	<u>1.043.301.250</u>	<u>6.223.440.250</u>	<u>2.078.920.469</u>	<u>9.345.661.969</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư đầu kỳ	40.283.917	1.989.680.000	98.354.683	2.128.318.600
Khấu hao trong kỳ	74.445.267	478.105.026	196.677.380	749.227.673
Số dư cuối kỳ	<u>114.729.184</u>	<u>2.467.785.026</u>	<u>295.032.063</u>	<u>2.877.546.273</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày đầu kỳ	<u>133.238.333</u>	<u>1.151.920.000</u>	<u>1.872.085.786</u>	<u>3.157.244.119</u>
Tại ngày cuối kỳ	<u>928.572.066</u>	<u>3.755.655.224</u>	<u>1.783.888.406</u>	<u>6.468.115.696</u>

Nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 69.722.250 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 69.722.250 VND).

12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính VND
NGUYÊN GIÁ	
Số dư đầu kỳ	6.282.752.000
Tăng trong kỳ	3.287.514.170
Số dư cuối kỳ	<u>9.570.266.170</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Số dư đầu kỳ	707.835.200
Khấu hao trong kỳ	948.186.617
Số dư cuối kỳ	<u>1.656.021.817</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày đầu kỳ	<u>5.574.916.800</u>
Tại ngày cuối kỳ	<u>7.914.244.353</u>

Nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 88.400.000 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 88.400.000 VND).

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

			Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
			VND			VND
Đầu tư vào công ty con	5.822.001.115.244	(165.311.441.178)		5.798.868.150.428	(128.085.901.810)	
Công ty Cổ phần Dây cáp Điện Việt Nam (i)	1.614.276.854.937	-	(iii)	1.610.855.369.317	-	2.769.431.750.000
Công ty Cổ phần Thiết bị Điện (i)	959.813.569.020	-	(iii)	893.009.089.824	-	1.139.813.424.250
Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội (ii)	332.061.707.611	-	(iii)	439.336.756.800	-	768.839.324.400
Công ty Cổ phần Thiết bị đo điện EMIC	112.485.000.000	-	(iii)	112.485.000.000	-	(iii)
Công ty Dây đồng Việt Nam CFT	355.644.952.503	-	(iii)	405.644.952.503	-	(iii)
Công ty TNHH Phát điện GELEX	882.715.444.864	-	(iii)	882.715.444.864	-	(iii)
Công ty TNHH Năng lượng GELEX Quảng Trị	1.270.350.000.000	(155.182.289.608)	(iii)	1.270.350.000.000	(127.734.593.349)	(iii)
Công ty Cổ phần Sản xuất Máy biến áp Truyền tải MEE (trước đây là "Công ty Cổ phần sản xuất Thiết bị Điện Đông Anh")	286.646.586.309	(8.568.054.731)	(iii)	286.646.586.309	-	(iii)
Công ty Cổ phần Mua bán điện GELEX	8.007.000.000	(1.561.096.839)	(iii)	5.100.000.000	(351.308.461)	(iii)
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	1.111.361.869.099	-		1.111.361.869.099	-	
Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX	1.111.361.869.099	-	(iii)	1.111.361.869.099	-	(iii)
	6.933.362.984.343	(165.311.441.178)		6.910.230.019.527	(128.085.901.810)	

- (i) Giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định căn cứ vào giá đóng cửa của cổ phiếu trên sàn chứng khoán HOSE tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022.
- (ii) Giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định căn cứ vào giá đóng cửa của cổ phiếu trên sàn UpCoM tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022.
- (iii) Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này tại ngày kết thúc kỳ kế toán do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính vào các công ty chưa niêm yết này.

Một số cổ phần được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay và trái phiếu phát hành như được trình bày tại Thuyết minh số 19 và 20.

Công ty đang dùng 15.000.000 cổ phiếu CAV (Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam) để làm tài sản đảm bảo cho khoản trái phiếu phát hành bởi Công ty Cổ phần Thiết bị Điện.

Công ty đang dùng 24.700.000 cổ phiếu CAV (Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam) và 18.000.000 cổ phiếu THI (Công ty Cổ phần Thiết bị Điện) để làm tài sản đảm bảo cho các khoản trái phiếu phát hành bởi Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX.

Tình hình hoạt động của các công ty con, công ty liên kết trong kỳ như sau:

Công ty con	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lỗ	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lỗ
Công ty Cổ phần Dây cáp Điện Việt Nam ("Cadivi")	Hoạt động kinh doanh có lãi		Hoạt động kinh doanh có lãi	
Công ty Cổ phần Thiết bị Điện ("Thibidi")	Hoạt động kinh doanh có lãi		Hoạt động kinh doanh có lãi	
Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội ("HEM")	Hoạt động kinh doanh có lãi		Hoạt động kinh doanh có lãi	
Công ty Cổ phần Thiết bị đo điện EMIC ("Emic")	Hoạt động kinh doanh có lãi		Hoạt động kinh doanh có lãi	
Công ty Dây đồng Việt Nam CFT ("CFT")	Hoạt động kinh doanh có lãi		Hoạt động kinh doanh lỗ	
Công ty TNHH Phát điện GELEX ("Phát điện Gelex")	Hoạt động kinh doanh có lãi		Hoạt động kinh doanh có lãi	
Công ty TNHH Năng lượng GELEX Quảng Trị ("Gelex Quảng Trị")	Hoạt động kinh doanh lỗ		Hoạt động kinh doanh lỗ	
Công ty Cổ phần Sản xuất Máy biến áp Truyền tải MEE (trước đây là "Công ty Cổ phần sản xuất Thiết bị Điện Đông Anh") ("MEE")	Hoạt động kinh doanh lỗ		Hoạt động kinh doanh có lãi	
Công ty Cổ phần Mua bán Điện GELEX	Hoạt động kinh doanh lỗ và vẫn đang trong quá trình triển khai dự án		Đang trong quá trình triển khai dự án	
Đầu tư dài hạn khác				
Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX	Hoạt động kinh doanh có lãi		Hoạt động kinh doanh có lãi	

Các giao dịch chủ yếu giữa Công ty và các công ty con, công ty liên kết trong kỳ được trình bày tại Thuyết minh số 30.

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Mitsui & Co., Ltd	120.874.330.601	120.874.330.601	-	-
Công ty Cổ phần Thiết bị đo điện EMIC	69.006.659.608	69.006.659.608	16.268.833.756	16.268.833.756
GLENCORE INTERNATIONAL AG	59.029.351.015	59.029.351.015	-	-
Công ty Cổ phần Ngô Han	1.870.239.591	1.870.239.591	1.469.267.505	1.469.267.505
Toyota Tsusho Asia Pacific PTE. LTD.	-	-	135.644.531.790	135.644.531.790
Phải trả các đối tượng khác	2.841.553.044	2.841.553.044	1.841.500.178	1.841.500.178
	253.622.133.859	253.622.133.859	155.224.133.229	155.224.133.229
Trong đó:				
Phải trả người bán ngắn hạn là các bên liên quan (Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 30)	69.006.659.608	69.006.659.608	16.278.203.947	16.278.203.947

15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Công ty TNHH Xây lắp và Đầu tư Phát triển Thương mại 15-2	2.859.216.750	-
Công ty Cổ phần Sản xuất Máy biến áp Truyền tải MEE (trước đây là "Công ty Cổ phần sản xuất Thiết bị Điện Đông Anh")	-	5.004.153.000
	2.859.216.750	5.004.153.000

Trong đó:

Người mua trả tiền trước ngắn hạn là các bên liên quan (Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 30)	-	5.004.153.000
---	---	---------------

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu kỳ VND	Số phải thu trong kỳ VND	Số được khấu trừ trong kỳ VND	Số cuối kỳ VND
a. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	254.361.769	-	-	254.361.769
Thuế giá trị gia tăng	11.519.304.307	47.329.425.117	47.329.425.117	11.519.304.307
	11.773.666.076	47.329.425.117	47.329.425.117	11.773.666.076

	Số đầu kỳ VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã thực nộp trong kỳ VND	Số cuối kỳ VND
b. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước				
Thuế thu nhập cá nhân	803.189.091	612.446.315	1.292.737.656	122.897.750
Các loại thuế khác và các khoản phải nộp khác	-	262.753.396	262.753.396	-
	803.189.091	875.199.711	1.555.491.052	122.897.750

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Lãi vay ngân hàng	8.531.067.458	10.776.058.772
Phí thư tín dụng (LC) phải trả ngân hàng	175.253.766	615.304.171
Khác	386.663.271	309.316.200
	9.092.984.495	11.700.679.143

Trong đó:

Chi phí phải trả cho các bên liên quan (Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 30)	-	3.287.671
---	---	-----------

18. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
a, Ngắn hạn		
Nhận ký cược, ký quỹ (i)	600.000.000.000	200.000.000.000
Phí thư tín dụng (LC) phải trả ngân hàng	482.307.523.221	771.079.413.536
Chi phí lãi vay	17.137.301.372	13.444.383.562
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	122.860.002	115.760.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	95.991.000	10.130.000
	1.099.663.675.595	984.649.687.098
b. Dài hạn		
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.958.762.752	3.287.514.170
	2.958.762.752	3.287.514.170
Trong đó:		
Phải trả ngắn hạn khác là các bên liên quan (Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 30)	617.137.301.372	216.731.897.732
(i) Số dư cuối kỳ phản ánh khoản nhận đặt cọc từ Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX cho việc chuyển nhượng phần vốn góp tại Công ty TNHH Năng lượng GELEX Quảng Trị theo Hợp đồng đặt cọc số 01/2023/HĐĐC/GELEX Infra - GELEX Electric ngày 22 tháng 6 năm 2023.		

19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số đầu kỳ		Trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Giá trị	VND Số có khả năng trả nợ	Tăng	VND Giảm	Giá trị	VND Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn						
Vay ngân hàng (i)	59.155.210.166	59.155.210.166	451.689.851.367	248.829.882.965	262.015.178.568	262.015.178.568
Vay ngắn hạn các bên liên quan (Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 30) (ii)	90.000.000.000	90.000.000.000	370.000.000.000	210.000.000.000	250.000.000.000	250.000.000.000
	149.155.210.166	149.155.210.166	821.689.851.367	458.829.882.965	512.015.178.568	512.015.178.568
Vay dài hạn đến hạn trả						
Vay dài hạn đến hạn trả ngân hàng	459.749.058.972	459.749.058.972	400.000.000.000	260.000.000.000	599.749.058.972	599.749.058.972
	459.749.058.972	459.749.058.972	400.000.000.000	260.000.000.000	599.749.058.972	599.749.058.972
	608.904.269.138	608.904.269.138	1.221.689.851.367	718.829.882.965	1.111.764.237.540	1.111.764.237.540

(i) Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngân hàng:

Bên cho vay	Số dư cuối kỳ VND	Số dư đầu kỳ VND	Ngày đáo hạn	Lãi suất %/năm	Mục đích vay
Ngân hàng Sinopac - CN TP. Hồ Chí Minh	234.701.725.113	59.155.210.166	Thời hạn vay 6 tháng. Kế ước cuối cùng thanh toán ngày 17 tháng 12 năm 2023	7,90% - 9,00%	Thanh toán tiền mua hàng hóa
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở Giao dịch 1	27.313.453.455	-	Kỳ hạn vay 5,5 tháng. Lãi vay trả hàng tháng. Kế ước cuối cùng đáo hạn ngày 10 tháng 10 năm 2023	8,00%	Thanh toán tiền mua hàng hóa
	262.015.178.568	59.155.210.166			

(ii) Số dư chi tiết các khoản vay với các bên liên quan được trình bày tại Thuyết minh số 30. Các khoản vay có thời hạn dưới 1 năm, không có tài sản đảm bảo với lãi suất từ 6,0%/năm đến 9,25%/năm.

20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số đầu kỳ		Tăng	Trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ VND		Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ VND	
Vay ngân hàng (i)	896.376.411.542	896.376.411.542	-	400.000.000.000	496.376.411.542	496.376.411.542	
Vay bên liên quan (Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 30) (ii)	680.000.000.000	680.000.000.000	-	200.000.000.000	480.000.000.000	480.000.000.000	
	1.576.376.411.542	1.576.376.411.542	-	600.000.000.000	976.376.411.542	976.376.411.542	

(i) Chi tiết vay ngân hàng:

Bên cho vay	Số dư cuối kỳ VND	Số dư đầu kỳ VND	Ngày đáo hạn	Lãi suất (%/năm)	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Hội sở chính	1.096.125.470.514	1.356.125.470.514	Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 31 tháng 12 năm 2024	Lãi suất vay cố định 8,52%-8,54%/năm, trả lãi 3 tháng/lần	Tái cấu trúc doanh nghiệp, trả nợ khoản vay với Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	73.700.000 cổ phiếu VGC (Tổng Công ty Viglacera – CTCP) thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX.
	1.096.125.470.514	1.356.125.470.514				
- Số phải trả trong vòng 12 tháng	599.749.058.972	459.749.058.972				
- Số phải trả sau 12 tháng	496.376.411.542	896.376.411.542				

(ii) Số dư chi tiết các khoản vay với các bên liên quan được trình bày tại Thuyết minh số 30. Các khoản vay có thời hạn từ 2 năm đến 3 năm, không có tài sản đảm bảo với lãi suất từ 8,0%/năm đến 10,0%/năm.



Lịch trả nợ các khoản vay dài hạn được trình bày như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
	VND	VND
Trong vòng một năm	599.749.058.972	459.749.058.972
Trong năm thứ hai	916.376.411.542	1.496.376.411.542
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	60.000.000.000	80.000.000.000
	<u>1.576.125.470.514</u>	<u>2.036.125.470.514</u>

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu kỳ trước	3.000.000.000.000	835.287.500.000	5.000.000.000	292.100.556.756	4.132.388.056.756
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	462.826.315.188	462.826.315.188
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(500.000.000)	(500.000.000)
Chia cổ tức	-	-	-	(480.000.000.000)	(480.000.000.000)
Số dư cuối kỳ trước	3.000.000.000.000	835.287.500.000	5.000.000.000	274.426.871.944	4.114.714.371.944
Số dư đầu kỳ này	3.000.000.000.000	835.287.500.000	5.000.000.000	424.147.407.961	4.264.434.907.961
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	223.875.870.897	223.875.870.897
Chia cổ tức (i)	-	-	-	(150.000.000.000)	(150.000.000.000)
Số dư cuối kỳ này	3.000.000.000.000	835.287.500.000	5.000.000.000	498.023.278.858	4.338.310.778.858

- (i) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19 tháng 4 năm 2023, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã thông qua việc Phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2022 với số tiền là 600 tỷ VND, tương ứng 20% vốn điều lệ. Công ty đã tạm ứng cổ tức 2 đợt bằng tiền theo các Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 48/2022/GE/NQ-HĐQT được ban hành ngày 24 tháng 11 năm 2022 với tỷ lệ 10% tương đương với 300 tỷ VND và số 09/2023/NQ-HĐQT ngày 16 tháng 3 năm 2023 với tỷ lệ 5% tương đương với 150 tỷ VND.

Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	300.000.000	300.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>300.000.000</i>	<i>300.000.000</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	300.000.000	300.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>300.000.000</i>	<i>300.000.000</i>

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 9 ngày 15 tháng 11 năm 2022, vốn điều lệ của Công ty là 3.000.000.000.000 VND. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ. Chi tiết như sau:

	Vốn đã góp			
	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu kỳ</u>	
	VND	%	VND	%
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	2.399.956.000.000	80%	2.399.956.000.000	80%
Công ty Cổ phần Máy tính - Truyền thông - Điều khiển 3C	165.000.000.000	5,5%	165.000.000.000	5,5%
Công ty Cổ phần Cơ điện Trần Phú	220.000.000.000	7,3%	-	0,0%
Các cổ đông khác	215.044.000.000	7,2%	435.044.000.000	14,5%
	3.000.000.000.000	100%	3.000.000.000.000	100%

22. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Đô la Mỹ (USD)	535.300,60	1.038,83

Tài sản thuê ngoài:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
	VND	VND
Từ 1 năm trở xuống	4.110.289.860	3.763.711.601
Trên 1 năm đến 5 năm	4.822.781.895	15.054.846.404
	8.933.071.755	18.818.558.005

Cam kết về bảo lãnh

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Công ty đã bảo lãnh cho một số khoản vay của Công ty Cổ phần Thiết bị đo điện EMIC, Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội, Công ty TNHH Năng lượng GELEX Quảng Trị, Công ty Cổ phần Thiết bị điện, Công ty Dây đồng Việt Nam CFT, Công ty Cổ phần Mua bán điện GELEX - các công ty con của Công ty với số tiền tối đa bằng số nợ gốc mà ngân hàng sẽ giải ngân cho các công ty con này với số tiền lần lượt là 500 tỷ VND, 464,5 tỷ VND, 2.326 tỷ VND, 200 tỷ VND, 200 tỷ VND và 20 tỷ VND.

23. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu bán hàng hóa	844.952.891.253	1.471.936.851.513
Doanh thu cung cấp dịch vụ	342.000.000	342.000.000
	845.294.891.253	1.472.278.851.513

Trong đó:

Doanh thu với các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 30)	422.379.940.766	737.323.613.513
---	-----------------	-----------------

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn bán hàng hóa	835.049.380.010	1.451.634.046.144
	835.049.380.010	1.451.634.046.144

25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Cổ tức, lợi nhuận được chia	391.780.225.800	396.959.654.000
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	17.462.533.017	23.004.019.177
Lãi chênh lệch tỷ giá	5.580.280.672	3.958.448.470
Lãi bán hàng trả chậm	148.170.186	3.702.775.118
Lãi bán các khoản đầu tư	-	259.802.341.140
Lãi kinh doanh chứng khoán	-	482.344.006
	414.971.209.675	687.909.581.911

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền vay	106.053.455.055	121.197.979.341
Dự phòng tổn thất đầu tư	37.225.539.368	68.378.831.545
Phí LC UPAS, phí và lãi mua hàng trả chậm	17.469.799.827	6.312.385.461
Lãi nhận ký quỹ	10.171.232.877	19.315.068.495
Lỗ chênh lệch tỷ giá	9.124.648.115	5.840.269.846
Các chi phí liên quan đến khoản vay	1.434.910.395	-
Chi phí phát hành trái phiếu phân bổ	-	4.734.522.396
Chi phí tài chính khác	256.410.193	599.635.297
	181.735.995.830	226.378.692.381

27. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí bán hàng		
Chi phí nhân viên	907.327.000	911.832.000
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	9.032.078	26.798.686
Chi phí dịch vụ mua ngoài	812.198.551	900.210.758
Chi phí khác bằng tiền	979.431.702	1.612.065.159
	2.707.989.331	3.450.906.603
Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân công	8.337.865.522	10.533.301.200
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.165.923.898	157.080.000
Chi phí nguyên vật liệu	8.962.800	9.200.745
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.213.878.827	2.714.097.318
Chi phí khác bằng tiền	2.170.039.947	2.484.793.845
	16.896.670.994	15.898.473.108

28. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân công	9.245.192.522	11.445.133.200
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.165.923.898	157.080.000
Chi phí nguyên vật liệu	17.994.878	9.200.745
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.026.077.378	3.641.106.762
Chi phí khác bằng tiền	3.149.471.649	4.096.859.004
	19.604.660.325	19.349.379.711

29. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong kỳ được tính như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận trước thuế	223.875.870.897	462.826.315.188
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	(389.919.486.801)	(392.152.948.386)
Cộng các khoản điều chỉnh tăng:	2.101.908.037	5.005.279.737
- Chi phí lãi vay thuần không được khấu trừ trong kỳ này	1.620.970.002	-
- Lỗi đánh giá lại ngoại tệ cuối kỳ	-	4.024.628.828
- Chi phí khấu hao xe ô tô không được trừ	231.438.359	77.080.000
- Các chi phí không được trừ khác	249.499.676	903.570.909
Trừ các khoản điều chỉnh giảm:	392.021.394.838	397.158.228.123
- Thu nhập không chịu thuế	391.780.225.800	396.959.654.000
- Lỗi đánh giá lại ngoại tệ cuối kỳ trước	241.169.038	198.574.123
Lỗi năm trước mang sang	-	(70.673.366.802)
Lỗi tính thuế	(166.043.615.904)	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	-	-

Chi tiết lỗi tính thuế được chuyển như sau:

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗi đến năm	Lỗi tính thuế VND	Đã chuyển lỗi đến ngày	Chưa chuyển lỗi tại ngày
			30 tháng 6 năm 2023 VND	30 tháng 6 năm 2023 VND
2019	2024	15.330.193.828	(15.330.193.828)	-
2020	2025	86.411.008.014	(58.688.330.314)	27.722.677.700
2021	2026	124.410.522.883	-	124.410.522.883
2023	2028	166.043.615.904	-	166.043.615.904
		392.195.340.629	(74.018.524.142)	318.176.816.487

Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các doanh nghiệp và đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

30. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong kỳ:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Dây Cáp Điện Việt Nam	Công ty con
Công ty Cổ phần Thiết bị Điện	Công ty con
Công ty Cổ phần Chế tạo Điện Cơ Hà Nội	Công ty con
Công ty Cổ phần Thiết bị đo điện EMIC	Công ty con
Công ty Dây đồng Việt Nam CFT	Công ty con
Công ty TNHH Phát điện GELEX	Công ty con
Công ty Mua bán điện GELEX	Công ty con
Công ty Cổ phần Sản xuất Máy biến áp Truyền tải MEE (trước đây là "Công ty Cổ phần sản xuất Thiết bị Điện Đông Anh")	Công ty con
Công ty Cổ phần Phú Thạnh Mỹ	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH MTV Cadivi Đồng Nai	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX	Không còn là Bên liên quan của thành viên HĐQT (*)
Công ty Cổ phần Máy tính - Truyền thông - Điều khiển 3CCổ đông lớn/	Bên liên quan của thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần GVI	Bên liên quan của thành viên HĐQT

(*) Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX không còn là Bên liên quan của Công ty kể từ ngày 16 tháng 4 năm 2023.

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	422.379.940.766	737.323.613.513
Công ty TNHH MTV Cadivi Đồng Nai	409.828.710.021	686.921.277.229
Công ty Cổ phần Chế tạo Điện Cơ Hà Nội	8.280.610.666	12.541.808.094
Công ty Cổ phần Thiết bị đo điện EMIC	2.583.012.160	10.223.601.901
Công ty Cổ phần Thiết bị Điện	1.390.607.919	27.348.926.289
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	180.000.000	180.000.000
Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX	90.000.000	90.000.000
Công ty Cổ phần Dây Cáp Điện Việt Nam	18.000.000	18.000.000
Công ty Cổ phần Mua bán điện GELEX	9.000.000	-
Giá trị hàng mua và dịch vụ cung cấp	411.723.696.049	720.825.225.589
Công ty Cổ phần Thiết bị đo điện EMIC	409.008.255.090	719.244.820.030
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	1.935.968.752	1.191.058.430
Công ty Cổ phần Dây Cáp Điện Việt Nam	752.268.426	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX	27.203.781	389.347.129
Mua tài sản cố định	2.910.827.500	-
Công ty Cổ phần Thiết bị đo điện EMIC	2.910.827.500	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC GELEX
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Cho vay	735.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	300.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Thiết bị Điện	435.000.000.000	-
Đi vay	370.000.000.000	540.000.000.000
Công ty Cổ phần Thiết Bị Đo Điện EMIC	190.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	160.000.000.000	360.000.000.000
Công ty Cổ phần Chế tạo Điện Cơ Hà Nội	10.000.000.000	40.000.000.000
Công ty Cổ phần Thiết bị Điện	10.000.000.000	100.000.000.000
Công ty Cổ phần Phú Thạnh Mỹ	-	20.000.000.000
Công ty TNHH Phát điện GELEX	-	20.000.000.000
Thu hồi gốc cho vay	620.000.000.000	300.000.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	220.000.000.000	-
Công ty Dây đồng Việt Nam CFT	400.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Thiết bị Điện	-	300.000.000.000
Trả gốc đi vay	410.000.000.000	900.000.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	360.000.000.000	900.000.000.000
Công ty Cổ phần Phú Thạnh Mỹ	20.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Thiết bị Điện	10.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội	10.000.000.000	-
Công ty TNHH Phát điện GELEX	10.000.000.000	-
Lãi cho vay	14.996.712.332	2.547.945.205
Công ty Dây đồng Việt Nam CFT	13.618.356.166	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	1.213.150.686	-
Công ty Cổ phần Thiết bị Điện	165.205.480	2.547.945.205
Lãi đi vay	42.313.465.754	15.757.808.219
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	31.528.493.150	12.329.589.040
Công ty Cổ phần Chế tạo Điện Cơ Hà Nội	4.980.821.921	1.376.438.357
Công ty Cổ phần Thiết Bị Đo Điện EMIC	4.898.397.259	-
Công ty TNHH Phát điện GELEX	703.561.643	562.191.781
Công ty Cổ phần Thiết bị Điện	123.287.671	801.369.863
Công ty Cổ phần Phú Thạnh Mỹ	78.904.110	688.219.178
Cổ tức đã trả	131.997.800.000	422.392.960.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	119.997.800.000	383.992.960.000
Công ty Cổ phần Máy tính - Truyền thông - Điều khiển 3C	8.250.000.000	26.400.000.000
Công ty Cổ phần GVI	3.750.000.000	12.000.000.000
Nhận đặt cọc chuyển nhượng khoản đầu tư	600.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX	600.000.000.000	-
Nhận ký quỹ mua vật tư	-	400.000.000.000
Công ty Cổ phần Thiết bị Điện	-	400.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC GELEX
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Hoàn trả ký quỹ mua vật tư	200.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Thiết bị Điện	200.000.000.000	-
Lãi ký quỹ mua vật tư phải trả	10.171.232.877	19.315.068.495
Công ty Cổ phần Thiết bị điện	10.171.232.877	19.315.068.495
Thu tiền chuyển nhượng cổ phần	-	520.000.000.000
Công ty cổ phần Chứng khoán VIX	-	520.000.000.000
Lãi bán hàng trả chậm	148.170.186	3.702.775.118
Công ty Dây đồng Việt Nam CFT	148.170.186	3.384.445.223
Công ty TNHH MTV Cadivi Đồng Nai	-	318.329.895
Lãi trái phiếu thương mại nhận được	-	30.205.479.000
Công ty cổ phần Chứng khoán VIX	-	30.205.479.000
Thu hộ, chi hộ chi phí liên quan đến SAP	906.738.579	90.290.633
Công ty Cổ phần Thiết bị đo điện EMIC	577.987.161	90.290.633
Công ty Dây đồng Việt Nam CFT	328.751.418	-
Góp vốn	2.907.000.000	5.100.000.000
Công ty Cổ phần Mua bán điện GELEX	2.907.000.000	5.100.000.000
Nhận chuyển nhượng cổ phần	-	286.646.586.309
Công ty Cổ phần Thiết bị điện	-	286.646.586.309
Cổ tức, lợi nhuận nhận được	446.022.965.800	397.659.654.000
Công ty Cổ phần Dây Cáp Điện Việt Nam	110.906.182.000	221.554.540.000
Công ty Cổ phần Chế tạo Điện Cơ Hà Nội	74.212.290.000	29.684.916.000
Công ty Cổ phần Thiết bị đo điện EMIC	67.491.000.000	67.491.000.000
Công ty TNHH Phát điện GELEX	63.308.471.800	-
Công ty Cổ phần Thiết bị điện	46.778.427.000	78.929.198.000
Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX	33.326.595.000	-
Công ty Dây đồng Việt Nam CFT	50.000.000.000	-

Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác được hưởng trong kỳ như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Thu nhập Hội đồng Quản trị (i)	2.051.000.000	2.776.000.000
Thu nhập Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác (ii)	912.000.000	823.500.000
Thù lao Ban kiểm soát (iii)	120.000.000	120.000.000
	3.083.000.000	3.719.500.000

(i) Bao gồm thù lao, lương và các khoản thu nhập khác của từng thành viên trong Hội đồng Quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023, cụ thể như sau:

		Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Thù lao Hội đồng Quản trị	Chức vụ	360.000.000	360.000.000
Nguyễn Văn Tuấn	Chủ tịch HĐQT	120.000.000	120.000.000
Nguyễn Trọng Trung	Thành viên HĐQT	60.000.000	20.000.000
Đỗ Duy Hưng	Thành viên HĐQT	60.000.000	60.000.000
Đặng Phan Tường	Thành viên HĐQT	60.000.000	60.000.000
Lê Bá Thọ	Thành viên HĐQT đến ngày 19 tháng 4 năm 2023	20.000.000	-
Nguyễn Trọng Tiểu	Thành viên HĐQT đến ngày 19 tháng 4 năm 2023	40.000.000	60.000.000
Lê Quang Định	Thành viên HĐQT đến ngày 15 tháng 4 năm 2022	-	40.000.000
Lương và các khoản thu nhập khác		1.691.000.000	2.416.000.000
Nguyễn Văn Tuấn	Chủ tịch HĐQT	4.000.000	4.000.000
Đỗ Duy Hưng	Thành viên HĐQT	454.000.000	754.000.000
Đặng Phan Tường	Thành viên HĐQT	589.000.000	754.000.000
Nguyễn Trọng Tiểu	Thành viên HĐQT đến ngày 19 tháng 4 năm 2023	640.000.000	904.000.000
Lê Bá Thọ	Thành viên HĐQT đến ngày 19 tháng 4 năm 2023	4.000.000	-
Tổng cộng		2.051.000.000	2.776.000.000

(ii) Bao gồm tiền lương và thu nhập khác của Tổng giám đốc và người quản lý khác được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023, cụ thể như sau:

		Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Nguyễn Trọng Trung	Tổng Giám đốc	184.000.000	215.500.000
Các thành viên quản lý khác		728.000.000	608.000.000
		912.000.000	823.500.000

(iii) Bao gồm thù lao của từng thành viên trong Ban Kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023, cụ thể như sau:

		Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Thù lao thành viên Ban Kiểm soát	Chức vụ		
Đào Viết Đĩnh	Trưởng ban Kiểm soát từ ngày 19 tháng 4 năm 2023	20.000.000	-
Nguyễn Thị Huyền	Trưởng ban Kiểm soát đến ngày 19 tháng 4 năm 2023	40.000.000	60.000.000
Nguyễn Hoàng Việt	Thành viên	30.000.000	30.000.000
Bùi Thị Trang	Thành viên từ ngày 19 tháng 4 năm 2023	10.000.000	-
Tiêu Thị Dung	Thành viên đến ngày 19 tháng 4 năm 2023	20.000.000	30.000.000
		120.000.000	120.000.000

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
	VND	VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	7.362.380.598	109.509.154.130
Công ty Cổ phần Thiết bị đo điện EMIC	3.419.300.537	6.151.377.956
Công ty Cổ phần Chế tạo Điện Cơ Hà Nội	2.933.181.405	5.156.298.252
Công ty Cổ phần Thiết bị Điện	950.498.656	644.451.498
Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX	49.500.000	-
Công ty Cổ phần Mua bán điện GELEX	9.900.000	-
Công ty Dây đồng Việt Nam CFT	-	97.557.026.424
Trả trước cho người bán ngắn hạn	-	1.048.512.697
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	-	1.048.512.697
Phải thu ngắn hạn khác	74.949.550.275	5.819.178.083
Công ty cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội	74.212.290.000	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	572.054.795	-
Công ty Cổ phần Thiết bị Điện	165.205.480	-
Công ty Dây đồng Việt Nam CFT	-	5.819.178.083
Phải thu về cho vay ngắn hạn	515.000.000.000	400.000.000.000
Công ty Cổ phần Thiết bị Điện	435.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	80.000.000.000	-
Công ty Dây đồng Việt Nam CFT	-	400.000.000.000
Phải trả người bán ngắn hạn	69.006.659.608	16.278.203.947
Công ty Cổ phần Thiết bị đo điện EMIC	69.006.659.608	16.268.833.756
Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX	-	9.370.191
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	-	5.004.153.000
Công ty Cổ phần Sản xuất Máy biến áp Truyền tải MEE (trước đây là "Công ty Cổ phần sản xuất Thiết bị Điện Đông Anh")	-	5.004.153.000
Chi phí phải trả ngắn hạn	-	3.287.671
Công ty TNHH Phát điện GELEX	-	3.287.671
Phải trả ngắn hạn khác	617.137.301.372	213.444.383.562
Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX	600.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	6.684.931.507	10.958.904.109
Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội	4.958.904.113	2.082.191.782
Công ty Cổ phần Thiết Bị Đo Điện EMIC	4.898.397.259	-
Công ty TNHH Phát điện GELEX	595.068.493	-
Công ty Cổ phần Thiết bị Điện	-	200.000.000.000
Công Ty Cổ Phần Phú Thạnh Mỹ	-	403.287.671
Phải trả dài hạn khác	2.958.762.752	3.287.514.170
Công ty Dây đồng Việt Nam CFT	2.958.762.752	3.287.514.170

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Vay ngắn hạn	250.000.000.000	90.000.000.000
Công ty Cổ phần Thiết bị Đo điện EMIC	190.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Chế tạo Điện Cơ Hà Nội	40.000.000.000	40.000.000.000
Công ty TNHH Phát điện GELEX	20.000.000.000	30.000.000.000
Công ty Cổ phần Phú Thạnh Mỹ	-	20.000.000.000
Vay dài hạn	480.000.000.000	680.000.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	400.000.000.000	600.000.000.000
Công ty Cổ phần Chế tạo Điện Cơ Hà Nội	80.000.000.000	80.000.000.000

31. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo Nghị quyết số 33/2023/GE/NQ-HĐQT ngày 31 tháng 7 năm 2023, Hội đồng Quản trị đã thông qua và chấp thuận chủ trương cơ cấu lại danh mục các dự án điện đang vận hành thuộc sở hữu của các công ty thành viên của Công ty Cổ phần Điện lực GELEX.

Theo Nghị quyết số 35/2023/GE/NQ-HĐQT ngày 28 tháng 8 năm 2023 và Hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp số 2808/2023/HĐCNPVG/GELEX Infra - GELEX Electric giữa Công ty và Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX, ngày 28 tháng 8 năm 2023, Công ty thực hiện việc chuyển nhượng 90% phần vốn góp tại Công ty TNHH Năng lượng GELEX Quảng Trị cho Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX.



Trần Thị Phương Anh
 Người lập biểu



Nguyễn Thị Nga
 Kế toán trưởng




Nguyễn Trọng Trung
 Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 8 năm 2023